

BẢN TIN VĂN BẢN

Tháng 07/2018

Trong số này

Nghị định số 72/2018/NĐ-CP về mức lương cơ sở	1
Thông tư 06/2018/TT-BNV hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở	2
Nghị định 66/2018/NĐ-CP chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước (KTNN)	2
Nghị định 88/2018/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng.....	3
Công văn số 48090/CT-TTHT thời gian trích khấu hao tài sản thuế tài chính.....	3
Công văn số 47484/CT-TTHT khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trong thời gian thử việc.	5
Công văn số 4420/TCHQ-TXNK nộp dần tiền chậm nộp thuế	5
Công văn số 48097/CT-TTHT tỷ giá tính thuế nhà thầu	6
Công văn số 48097/CT-TTHT tỷ giá tính thuế nhà thầu.	6
Công văn số 48217/CT-TTHT hướng dẫn điều chỉnh hóa đơn GTGT bán hàng.	7
Công văn số 48508/CT-TTHT khấu trừ thuế GTGT của TSCĐ phục vụ hoạt động chịu thuế và không chịu thuế.....	7
Công văn số 2775/TCT-CS xử phạt về hóa đơn.	8
Công văn số 2781/TCT-KK khai thuế GTGT.	8
Công văn số 49274/CT-TTHT khai thuế GTGT, lệ phí môn bài.....	9
Công văn số 51690/CT-TTHT khấu trừ thuế GTGT đối với chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu bị sai sót.	10
Luật quản lý nợ công có hiệu lực từ 01/07/2018	12
Thông tư 54/2018/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021.....	13

CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Nghị định số 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Ngày 15 tháng 05 năm 2018, Chính Phủ ban hành Nghị định số 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Nghị định chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2018

Theo đó, tăng mức lương cơ sở từ 1.300.000 đồng/tháng lên 1.390.000 đồng/tháng (tăng thêm 90.000 đồng) bắt đầu kể từ ngày 01/7/2018. Mức lương cơ sở mới này sẽ dùng làm căn cứ:

- Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định 72/2018/NĐ-CP
- Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;
- Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét điều chỉnh mức lương cơ sở phù hợp khả năng ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Nghị định 72/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018 và thay thế Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017.

Từ 1-7-2018, 10 nhóm đối tượng sẽ được nâng lương

Bộ Nội vụ vừa đưa ra lấy ý kiến Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

Mức lương cơ sở mới 1,39 triệu đồng/tháng

 <p>Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương: ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.</p>	 <p>Công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý và viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.</p>	 <p>Cán bộ, công chức, viên chức được điều động, biệt phái đến làm việc tại các hội, tổ chức phi Chính phủ, dự án và cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam</p>
--	--	---

 <p>Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định 92/2009 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 29/2013</p>	 <p>Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	 <p>Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.</p>
---	--	--

Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này khi tính toán **xác định mức đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương** theo quy định của pháp luật:

 <p>a) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;</p>	 <p>b) Người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;</p>
 <p>c) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;</p>	 <p>d) Các trường hợp làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được ký kết hợp đồng lao động theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004</p>

Công thức tính lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tính lương từ 1-7-2018:

<p>Mức lương từ 1/7/2018 = 1,39 triệu đồng/tháng x Hệ số lương hiện hưởng</p>	<p>Phụ cấp tính theo mức lương cơ sở = 1,39 triệu đồng/tháng x Hệ số phụ cấp hiện hưởng</p>	<p>Mức hoạt động phí (Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp) = 1,39 triệu đồng/tháng x Hệ số hoạt động phí theo quy định</p>
--	--	--

Thông tư 06/2018/TT-BNV hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở cho đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong cơ quan, ĐVSN công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, hội.

Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 06/2018/TT-BNV hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở cho đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong cơ quan, ĐVSN công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, hội.

Theo đó, cách tính lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức nhà nước từ ngày 01/7/2018 như sau:

-Mức lương = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số lương hiện hưởng.

- Mức phụ cấp:

+ Các khoản phụ cấp tính theo lương cơ sở = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số phụ cấp hiện hưởng
+ Các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) =[mức lương + mức phụ cấp chức vụ (nếu có) + mức phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)] X Tỷ lệ % phụ cấp.

+ Các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

-Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số chênh lệch bảo lưu.
Thông tư 06/2018/TT-BNV có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2018, các khoản trích và chế độ được hưởng tính theo mức lương cơ sở được tính lại tương ứng từ ngày 01/7/2018.

Nghị định 66/2018/NĐ-CP về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước (KTNN) ngày 12/05/2018.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 66/2018/NĐ-CP về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước (KTNN) ngày 12/05/2018.

Theo đó, chế độ ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 325/2016/UBTVQH14 ngày 29/12/2016.

Hằng năm, KTNN được trích 5% số tiền do KTNN phát hiện và kiến nghị để chi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của KTNN.

Mức chi không vượt quá 0.8 lần mức lương do Nhà nước quy định gồm: lương ngạch bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp chức vụ, vượt khung, ưu đãi theo nghề. Sau khi chi thưởng, số kinh phí còn lại được dùng để đầu tư cơ sở vật chất và tăng cường năng lực hoạt động của ngành.

Nguồn kinh phí 5% trên được trích từ số tiền do KTNN phát hiện và kiến nghị, đơn cử như:

- Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác;
- Các khoản đã chi ngân sách sai chế độ đã nộp lại cho ngân sách nhà nước,...
- Các khoản đã chi ngân sách sai chế độ đã nộp lại cho ngân sách nhà nước,...

Nghị định 66/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

Nghị định 88/2018/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng

Chính thức tăng 6,92% lương hưu, trợ cấp BHXH từ 01/7/2018 Là nội dung nổi bật tại Nghị định 88/2018/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng, cụ thể:

Theo đó, kể từ ngày 01/7/2018 tăng thêm 6,92% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng của tháng 06/2018 đối với 08 nhóm đối tượng sau đây:

-Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, người lao động, quân nhân, CAND và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng.

-Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng.

-Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP đang hưởng lương hưu và trợ cấp hàng tháng.

-Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định 38/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng.

-CAND đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010.

-Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

-Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 130/CP ngày 20/6/1975 và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981.

-Quân nhân, CAND, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với Quân nhân, CAND đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.

Công văn số 48090/CT-TTHT về thời gian trích khấu hao tài sản thuê tài chính

Trả lời công văn số MKTC-005-201802 ngày 21/5/2018 của Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long (sau đây gọi tắt là công ty) đề nghị hướng dẫn về thời gian trích khấu hao tài sản thuê tài chính. Về vấn đề này, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

-Căn cứ Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

-Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

Căn cứ các quy định trên và hồ sơ tài liệu do công ty cung cấp, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau: Công ty tự quyết định phương pháp trích khấu hao, thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi bắt đầu thực hiện. Trường hợp công ty thuê tài sản cố định theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là TSCĐ thuê tài chính), hết thời gian thuê tài chính, công ty mua lại các TSCĐ đó thì công

ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của công ty. Về thời gian trích khấu hao TSCĐ, đề nghị công ty căn cứ vào tình trạng thực tế của TSCĐ thuê tài chính (còn mới hoặc đã qua sử dụng) để xác định theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư 45/2013/TT-BTC nêu trên.

Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, công ty thuê TSCĐ thuê tài chính cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì công ty được trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng. Phần trích khấu hao nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 và không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC nêu trên (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC) thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ

Công văn số 47484/CT-TTHT ngày 9 tháng 7 năm 2018 về việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trong thời gian thử việc.

Theo Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế. Trường hợp Công ty ký Hợp đồng thử việc với người lao động:

Trường hợp sau khi kết thúc Hợp đồng thử việc trên, Công ty ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên với người lao động thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần trước khi chi trả cho người lao động tính cả thời gian thử việc.

Trường hợp sau khi kết thúc Hợp đồng thử việc, Công ty không ký Hợp đồng lao động với người lao động thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% khi chi trả đối với khoản thu nhập của người lao động trong thời gian thử việc từ 02 triệu đồng/lần trở lên.

Trường hợp trong năm quyết toán thuế người lao động chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ theo tỷ lệ 10% nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của người lao động sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì người lao động cam kết theo mẫu số 02/CK-TNCN ban hành kèm Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính gửi Công ty. Căn cứ vào cam kết của người lao động, Công ty tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% khi chi trả thu nhập cho người lao động. Người lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết của mình và phải có mã số thuế tại thời điểm cam kết, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế.

Công văn số 4420/TCHQ-TXNK ngày 26 tháng 07 năm 2018 về việc nộp dần tiền chậm nộp thuế

Khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 được sửa đổi tại khoản 2 Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 quy định: "4. Chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với trường hợp người nộp thuế được cơ quan quản lý thuế cho phép nộp dần tiền nợ thuế trong thời hạn không quá mười hai tháng, kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế. Việc nộp dần tiền nợ thuế được xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng. Người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp."

- Điều 39 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế: "Người nộp thuế thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, nhưng không có khả năng nộp đủ số thuế nợ trong một lần thì được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế nếu có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về số tiền thuế nợ đề nghị nộp dần và cam kết tiến độ thực hiện nộp dần tiền thuế nợ, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước".

Công văn số 48097/CT-TTHT tỷ giá tính thuế nhà thầu

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 125/PHKQ6 đề ngày 20/03/2018 của Cục phát hành và kho quỹ (sau đây gọi tắt là đơn vị) hỏi về chính sách thuế, sau khi báo cáo xin ý kiến Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

-Căn cứ Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính như sau:

-Căn cứ công văn số 2586/TCT-CS ngày 28/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc tỷ giá tính thuế nhà thầu. Căn cứ hướng dẫn trên và nội dung trình bày của đơn vị:

-Từ ngày 01/01/2015, trường hợp Nhà thầu nước ngoài có tài khoản mở tại Ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của NHTM nơi Nhà thầu nước ngoài mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán.

-Trường hợp Nhà thầu nước ngoài không mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại ở Việt Nam nhưng nhận được doanh thu bằng ngoại tệ (đô la Mỹ) do Bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài thông qua tài khoản mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam của Bên Việt Nam thì áp dụng tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Bên Việt Nam mở tài khoản để quy đổi doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo quy định.

Công văn số 48097/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc tỷ giá tính thuế nhà thầu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 125/PHKQ6 đề ngày 20/03/2018 của Cục phát hành và kho quỹ (sau đây gọi tắt là đơn vị) hỏi về chính sách thuế, sau khi báo cáo xin ý kiến Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

-Căn cứ Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính như sau:

-Căn cứ công văn số 2586/TCT-CS ngày 28/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc tỷ giá tính thuế nhà thầu. Căn cứ hướng dẫn trên và nội dung trình bày của đơn vị:

-Từ ngày 01/01/2015, trường hợp Nhà thầu nước ngoài có tài khoản mở tại Ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của NHTM nơi Nhà thầu nước ngoài mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán.

-Trường hợp Nhà thầu nước ngoài không mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại ở Việt Nam nhưng nhận được doanh thu bằng ngoại tệ (đô la Mỹ) do Bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài thông qua

tài khoản mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam của Bên Việt Nam thì áp dụng tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Bên Việt Nam mở tài khoản để quy đổi doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo quy định.

Công văn số 48217/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc hướng dẫn điều chỉnh hóa đơn GTGT bán hàng.

-Căn cứ Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về xử lý đối với hóa đơn đã lập:

-Căn cứ tiết b Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Tổng Công ty cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Tổ hợp nhà thầu JGCS vào năm 2017, các hóa đơn này Tổng Công ty đã kê khai thuế đầu vào và JGCS đã kê khai thuế GTGT đầu vào. Sau đó, bên mua thay đổi nội dung cột hàng hóa dịch vụ, đơn vị tính nhưng không thay đổi số tiền và hai bên đã lập biên bản điều chỉnh hóa đơn; thì Tổng Công ty lập hóa đơn điều chỉnh sai sót, hóa đơn ghi rõ nội dung đã ghi sai, nội dung điều chỉnh, số hóa đơn, ký hiệu, ngày tháng năm hóa đơn đã lập cần điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 48508/CT-TTHT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc khấu trừ thuế GTGT của TSCĐ phục vụ hoạt động chịu thuế và không chịu thuế.

Trường hợp CN Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam - Nhà in Ngân hàng I có mua một tài sản cố định (trên 20 tỷ đồng) sử dụng đồng thời cho sản xuất sản phẩm chịu thuế và không chịu thuế thì:

-CN Công ty chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. CN Công ty phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. CN Công ty kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT hàng tháng/quý tạm phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào được khấu trừ trong tháng/quý, cuối năm CN Công ty thực hiện tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm để kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã tạm phân bổ khấu trừ theo tháng/quý.

Đối với phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, CN Công ty được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Khoản 9 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

-Trường hợp CN Công ty là tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng thì thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được

trừ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 151/2014/TT- BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 2775/TCT-CS ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc xử phạt về hóa đơn.

Trả lời công văn số 11755/CT-QLAC ngày 27/03/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội và công văn số 6608/CT-KT1 ngày 23/08/2017 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai về xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

Căn cứ quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn; khoản 1 Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về đối tượng áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng;

Căn cứ quy định tại Điều 3, khoản 5 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn;

Căn cứ quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn;

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính về nguyên tắc áp dụng và hình thức xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn;

Căn cứ các quy định trên, trường hợp người bán sử dụng hóa đơn trong thời gian cơ quan thuế có Quyết định về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng hoặc Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký còn hiệu lực là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp; cơ quan thuế thực hiện xử lý như sau:

-Xử phạt đối với người mua: Người mua hàng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, không được kê khai khấu trừ thuế GTGT và tính chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

-Xử phạt đối với người bán: Trường hợp người bán sử dụng nhiều số hóa đơn bất hợp pháp thì khi bị phát hiện người bán bị xử phạt về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và có tình tiết tăng nặng do vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính của cơ quan thuế.

Công văn số 2781/TCT-KK ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc khai thuế GTGT.

Trả lời công văn số 02/2018-FV ngày 06/6/2018 của Công ty TNHH Freeview Industrial (VN) về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau :

Căn cứ hướng dẫn về nguyên tắc khấu trừ thuế tại Khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày

12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

Căn cứ Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC nêu trên.

Căn cứ hướng dẫn khai bổ sung hồ sơ khai thuế tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

Căn cứ hướng dẫn nêu trên:

-Trường hợp Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào từ các nhà cung cấp trong tháng 01/2018 thì Công ty phải khai vào chỉ tiêu giá trị [23] và thuế GTGT [24] của hàng hóa, dịch vụ mua vào tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Nếu Công ty nhận thấy hóa đơn GTGT nêu trên chưa đủ điều kiện khấu trừ thuế do chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định thì Công ty loại trừ số thuế GTGT ghi trên các hóa đơn nêu trên khi tổng hợp khai chỉ tiêu tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25] tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Đến tháng 3/2018 Công ty có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hóa đơn GTGT nêu trên thì Công ty khai số thuế GTGT ghi trên các hóa đơn nêu trên vào chỉ tiêu điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước [38] tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 3/2018.

-Trường hợp Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào từ các nhà cung cấp trong tháng 01/2018 nhưng không tổng hợp khai vào chỉ tiêu giá trị [23] và thuế GTGT [24] của hàng hóa, dịch vụ mua vào tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018, mà tổng hợp khai vào Tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế tháng 3/2018 thì Công ty chỉ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT liên quan đến hóa đơn GTGT này nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền chưa công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở Công ty đối với kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Công văn số 49274/CT-TTHT ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc khai thuế GTGT, lệ phí môn bài.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 514/CV-CLM đề ngày 29/6/2018 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu than - Vinacomin (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

-Căn cứ khoản 2 Điều 19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về đăng ký doanh nghiệp quy định bổ sung dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

-Căn cứ Phụ lục II-11 phần danh mục các mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh (Kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Căn cứ Điều 12 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

-Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài:

-Căn cứ Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định

số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định về khai thuế GTGT:

- Căn cứ Điều 45 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội:

Căn cứ quy định và hướng dẫn trên:

1. Về việc kê khai, nộp thuế GTGT:

- Trường hợp Công ty thành lập trạm chế biến than tại Hải Dương không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại Công ty (Hà Nội)

- Trường hợp trạm chế biến than trực tiếp bán hàng thì phải đăng ký kê khai, nộp thuế tại Hải Dương theo quy định.

2. Về việc nộp lệ phí môn bài:

Nếu trạm chế biến than là địa điểm kinh doanh của Công ty thì Công ty thực hiện khai, nộp lệ phí môn bài của trạm chế biến than cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trạm chế biến than (tại Hải Dương).

Nội dung Công ty hỏi về việc đăng ký kho hàng đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh để được hướng dẫn cụ thể.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 2 để được hướng dẫn cụ thể.

Công văn số 49275/CT-TTHT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc trả lời chính sách thuế.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất để tổ chức hội nghị, hội thảo cho các tổ chức, cá nhân làm việc trong khu chế xuất (địa điểm tổ chức ngoài khu chế xuất) không thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và phải áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

Nếu Công ty đã hoàn tất việc cung cấp dịch vụ nêu trên cho khách hàng mà ghi sai mức thuế suất thuế GTGT và đã kê khai thuế, thì hai bên thực hiện lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời lập hóa đơn điều chỉnh theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư 39/2014/TT-BTC. Việc xác định số thuế GTGT phải nộp thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC đã nêu trên.

Việc xác định chi phí hợp lệ khi tính thuế TNDN, Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC như đã nêu.

Công văn số 51690/CT-TTHT ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc khấu trừ thuế GTGT đối với chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu bị sai sót.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 012018/SMCHN của Chi nhánh Công ty TNHH MTV SMC Pneumatics (Việt Nam) tại Hà Nội hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa thì hoạt động này được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT hàng nhập khẩu nếu đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Các khoản chi phí đáp ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp Công ty nộp tiền thuế nội địa vào ngân sách nhà nước nhưng ghi sai các thông tin trên chứng

từ nộp thuế, Công ty thực hiện lập thư tra soát (mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính) kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh sai sót gửi cho cơ quan thuế.

Trường hợp Công ty nộp tiền thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách nhà nước nhưng ghi sai các thông tin trên chứng từ nộp tiền thì đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan hải quan để được hướng dẫn cụ thể.

Trường hợp sai sót cụ thể trên chứng từ nộp thuế, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn cụ thể.

CÁC VĂN BẢN VỀ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Luật quản lý nợ công có hiệu lực từ 01/07/2018

Ngày 23/11/2017, Quốc hội thông qua Luật số 20/2017/QH14 – Luật quản lý nợ công 2017 quy định về hoạt động vay, sử dụng vốn vay, trả nợ và nghiệp vụ quản lý nợ công.

Theo đó, vấn đề quản lý rủi ro đối với nợ công được quy định một cách cụ thể hơn như sau:

Quản lý rủi ro đối với nợ công là việc nhận diện các loại rủi ro đối với danh mục nợ công, xác định mức độ ảnh hưởng để có biện pháp phòng ngừa, xử lý thích hợp, bảo đảm khả năng trả nợ công. Rủi ro về nợ công bao gồm:

- Rủi ro về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ;
- Rủi ro do biến động của thị trường tài chính ảnh hưởng đến việc huy động vốn;
- Rủi ro thanh khoản do thiếu các tài sản tài chính có tính thanh khoản để thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ nợ đến hạn theo cam kết, bao gồm khả năng trả nợ của ngân sách TW và địa phương;
- Rủi ro tín dụng do đối tượng được vay lại, đối tượng được bảo lãnh không trả được nợ đầy đủ, đúng hạn và các rủi ro khác có thể ảnh hưởng tới an toàn nợ công.



Thông tư 54/2018/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021

Ngày 08/6/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 54/2018/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021.

Theo đó, việc lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019 (tăng lương cơ sở theo Nghị quyết 27-NQ/TW) được thực hiện như sau:

- Các Bộ, CQTW thực hiện:

- + Tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản lương, phụ cấp, khoản có tính chất lương và các khoản chi theo chế độ) gắn với chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên;
- + Tiết kiệm một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định;
- + Tiết kiệm từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.



- Các địa phương tiếp tục cơ chế:

- + Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản lương, phụ cấp, khoản có tính chất lương và các khoản chi theo chế độ);
- + Tiết kiệm 50% nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);
- + Tiết kiệm một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các đơn vị;
- + Tiết kiệm từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.

Thông tư 54/2018/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 23/7/2018.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0919 858 626
Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Nguyễn Duy Trung
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0982 565 703
Email: duytrung103@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0943 388 828
Email:
phamvanbien2807@gmail.com

Bà: Trương Thị Hải Vân
Phó Giám đốc
Tel: 0904 787 763
Email: vantth@asa-audit.com

VĂN PHÒNG:
Tầng 2 tòa 262 Nguyễn Huy
Tường, Thanh Xuân, Hà Nội
Phone: 04 3858 1122
Fax: 04 3858 5533
Email: kiemtoanasa@gmail.com
Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.

Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.